

Phụ lục IV
Appendix IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

Công ty cổ phần
Thông Quảng Ninh
COMPANY'S NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số: 62/BC-TQN
No: 62/BC-TQN

Uông Bí, ngày 13 tháng 03 năm 2023
..., month... day...year...

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm 2022 /Year

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.: 5700478344
- Vốn điều lệ/Charter capital: 36.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 209.384.478.912 đồng (Hai trăm linh chín tỷ, ba trăm tám mươi triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm mười hai đồng.)
- Địa chỉ/Address: Khu Bì Trung 1 – Phường Phương Đông – TP Uông Bí – Tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại/Telephone: 02033854274
- Số fax/Fax: 02033854263
- Website; WWW.quangninhpine.com
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): TQN
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).
- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now). Được thành lập 1979 với tên gọi: Xí nghiệp Thông Quảng Ninh
- Từ năm 1979 đến 31/12/2003 là doanh nghiệp Nhà nước với nhiệm vụ chính là quản lý bảo vệ, xây dựng phát triển rừng và sản xuất nông - Lâm kết hợp.
- Năm 2000 được đổi tên thành: Công ty Thông Quảng Ninh
- Thực hiện quyết định số: 4647/QĐ - UB ngày 17/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh, từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 công ty Thông Quảng Ninh chuyển đổi thành Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.
- Từ ngày 01/01/2004 đến nay giữ nguyên tên là : Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh
- Các sự kiện khác/ Other events:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).
Khai thác, thu mua, chế biến nhựa thông xuất nhập khẩu sản phẩm nhựa thông, tùng hương và dầu thông
- Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).
- Địa bàn kinh doanh trụ sở chính: và tổ chức sản xuất và chế biến: Khu Bì trung I, Phường Phương Đông - thành phố Uông Bí - Quảng Ninh - VN

- Địa điểm: khai thác, thu mua nhựa thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh có khai thác nhựa thông và nhập khẩu nhựa thông.
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm: trong nước và xuất khẩu
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus
- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises).
- Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure.
- + Hội đồng quản trị:
 1. Ông: Dương Văn Thơm, chủ tịch Hội đồng quản trị
 2. Ông: Dương Trọng Hiếu, thành viên hội đồng quản trị - Tổng giám đốc
 3. Ông: Trần Việt Hùng, thành viên hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc.
- + Các thành viên của Ban giám đốc
 1. Ông Dương Trọng Hiếu- Tổng giám đốc
 2. Ông Trần Việt Hùng- Phó Tổng giám đốc
- + Ban kiểm soát:
 1. Ông: Trần Văn Sơn – Trưởng ban kiểm soát
 2. Ông: Nguyễn Mạnh Khiêm - thành viên ban kiểm soát
 3. Ông; Tạ Ngọc Vương - thành viên ban kiểm soát
- + Các phòng nghiệp vụ:
 1. Phòng kế hoạch nguyên liệu - kinh doanh tiêu thụ
 2. Phòng Tài chính - kế toán
 3. Phòng xuất khẩu 1
 4. Phòng xuất khẩu 2
 5. Phòng tổ chức, hành chính - kỹ thuật
 6. Bộ phận quản lý kho
 7. Bộ phận bảo vệ
- + Phân xưởng sản xuất công nghiệp:
 1. Phân xưởng chế biến – dịch vụ
- + Các đội, ban quản lý khai thác nhựa thông:
 1. Đội Bãi Dài - thành Phố Uông Bí - Quảng Ninh
 2. Đội Bãi Soi - thành Phố Uông Bí - Quảng Ninh
 3. Đội Khe Cát – thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh
 4. Đội Thống Nhất – Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh
 5. Đội Mộc Bài - huyện Vân Đồn - Quảng Ninh
 6. Ban quản lý Phương Đông - thành phố Uông Bí - Quảng Ninh
 7. Ban quản lý Hoàng Tân - thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh
 8. Ban quản lý Lê Lợi - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh
- Tổng số lao động đến ngày 31/12/2022: 313 người
- Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies).
- + Công ty cổ phần Thông Quảng Phú
 - Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Đông Hà thành phố Đông Hà - tỉnh Quảng Trị
 - Số tiền vốn góp của công ty cổ phần Thông Quảng Ninh là 5,4 tỷ đồng (Năm tỷ tư đồng)
 - Ngành nghề kinh doanh: Thu mua, chế biến nhựa thông và tiêu thụ sản phẩm
- 4. Định hướng phát triển/Development orientations
- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / Main objectives of the Company.
- Sản xuất, kinh doanh bền vững chú trọng phát triển vùng nguyên liệu, nghiên cứu công nghệ chế biến các sản phẩm, sau chế biến nhựa thông
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/Development strategies in medium and long term.
- Ổn định sản xuất, kinh doanh đồng thời mở rộng và đầu tư trồng rừng vùng nguyên liệu nhựa thông trong tỉnh Quảng Ninh và những khu vực ngoài tỉnh có điều kiện. nghiên cứu từng bước có chọn lọc các thiết bị công nghệ chế biến sau từng hương và dầu thông phù hợp với thị trường trước mắt cũng như lâu dài...
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.
- Đảm bảo môi trường bền vững, an sinh xã hội và cộng đồng của công ty được ổn định

5. Các rủi ro/Risks: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

- Chất lượng nhựa thông thu mua trong nước không ổn định, nguồn cung cấp nhựa thông còn nhiều hạn chế, mức độ cạnh tranh mua nguyên liệu nhựa thông trong nước của các doanh nghiệp trong nước ngày càng gia tăng.

- Xung đột Nga-Ucraina, Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách Zero Covid làm cho giá cả nhiều vật tư, giá cả nguyên, nhiên liệu tăng cao kết hợp thời tiết không thuận lợi cùng với những chính sách về tiền tệ như: thắt chặt tín dụng, lãi suất tăng cao vào Quý 4/2022... phân nào tác động đến công tác quản lý, điều hành sản xuất của HĐQT, BLĐ công ty

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm tùng hương và dầu thông không ổn định, giá bán biến động liên tục khó lường.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

- Khai thác, thu mua nhựa thông đạt; **41.266 tấn**

- Chế biến nhựa thông đạt; **34.535 tấn**

- Doanh thu đạt; **1.462,686 tỷ đồng.**

- Kim ngạch xuất khẩu đạt; **56.301.927 USD**

- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt; **59,109 tỷ đồng**

- Tiền lương bình quân của người lao động; **11,815 triệu đồng/ người/ tháng**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,.../specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.

+ Khai thác, thu mua nhựa thông tăng, nhập khẩu nhựa thông tăng

+ Chế biến nhựa thông cơ bản được giữ ổn định

+ Doanh thu, Kim ngạch xuất khẩu giảm là do giá bán giảm, giá vật tư, nguyên liệu tăng

+ Kim ngạch xuất khẩu giảm là do giá bán giảm

+ Tổng lợi nhuận trước thuế đối với sản phẩm chính giảm là do yếu tố là do giá bán giảm, giá vật tư, nguyên liệu tăng.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years.

- Khai thác, thu mua nhựa thông trong năm so với năm 2021 tăng 2.711 tấn

- Chế biến nhựa thông trong năm giảm 965 tấn so với năm 2021.

- Doanh thu trong năm giảm 112,25 tỷ đồng (7,1%) so với năm 2021.

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm đối với kinh doanh chính giảm 59,999 tỷ đồng so với năm 2021

- Tiền lương bình quân của người lao động; 11,815 triệu đồng/ người/ tháng tăng 0,19 triệu đồng/ người/ tháng so với năm 2021

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

+. Hội đồng quản Trị:

1. Ông; Dương Văn Thơm; chủ tịch HĐQT

- Sinh ngày 20/09/1962, Quê quán: Kinh Môn - Hải Dương

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; cử nhân chính trị

- Thời gian tham gia HĐQT; Từ năm 2004 đến nay

- Thời gian giữ chức vụ; Chủ tịch HĐQT, giám đốc, Tổng giám đốc từ năm 2004 đến nay

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 21,98% vốn điều lệ

2. Ông; Trần Việt Hùng thành viên HĐQT - phó tổng giám đốc

- Sinh ngày 30/01/1972 - Quê quán: Thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; Trung cấp

- Thời gian tham gia HĐQT; Từ năm 2007 đến nay

- Thời gian giữ chức vụ; thành viên HĐQT phó giám đốc, phó tổng giám đốc từ năm 2007 đến nay

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 14,43% vốn điều lệ

3. Ông; Dương Trọng Hiếu – Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

-Sinh ngày 08/08/1988 - Quê quán: Kinh Môn – Hải Dương

-Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

-Trình độ lý luận chính trị; Sơ cấp

-Thời gian tham gia HĐQT; Từ tháng 5 năm 2017 đến nay

-Thời gian giữ chức vụ; trợ lý Tổng giám đốc từ tháng 5/2013 đến 06/05/2017 từ ngày 07/05/2017 đến ngày 14/6/2021 thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc. Từ ngày 15/6/2021 thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

-Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,906% vốn điều lệ.

4. Bà: Nguyễn Thị Châm – Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng.

-Sinh ngày 23/07/1985 - Quê quán: Kinh Môn – Hải Dương

-Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế

-Trình độ lý luận chính trị; Sơ cấp

-Thời gian tham gia HĐQT; Từ tháng 4 năm 2021 đến nay

-Thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng từ 09/11/2017 đến nay từ ngày 22/04/2021 thành viên HĐQT – Kế toán trưởng.

-Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 0% vốn điều lệ.

5.. Bà: Đặng Thu Hương – Thành viên HĐQT.

-Sinh ngày 11/03/1968 - Quê quán: Đông triều – Quảng Ninh

-Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế

-Trình độ lý luận chính trị; Sơ cấp

-Thời gian tham gia HĐQT; Từ tháng 4 năm 2021 đến nay

-Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 0% vốn điều lệ.

* Ban giám đốc:

1. Ông Dương Trọng Hiếu - Tổng giám đốc

2. Ông Trần Việt Hùng - Phó tổng giám đốc

* Ban kiểm soát:

1. Ông; Trần Văn Sơn - Trưởng ban kiểm soát

-Sinh ngày 20/09/1957 - Quê quán: Văn Lộc - Hậu Lộc - Thanh hóa

-Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

-Trình độ lý luận chính trị; Trung cấp

-Thời gian tham gia ban kiểm soát từ tháng 5 năm 2017 đến nay

-Thời gian giữ chức vụ trưởng ban kiểm soát từ tháng 5 năm 2017 đến nay

-Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,62% vốn điều lệ

2. Ông Nguyễn Mạnh Khiêm – Thành viên ban kiểm soát

- Sinh ngày 01/06/1981 Quê quán; Phong Hải – Quảng Yên – Quảng Ninh

- Trình độ chuyên môn; Cử nhân kinh tế

-Trình độ lý luận chính trị; sơ cấp

- Thời gian tham gia ban kiểm soát từ năm 2009 đến 2012, từ tháng 5/2017 đến nay

- Nhân viên phòng KH nguyên liệu – kinh doanh – tiêu thụ công ty từ tháng 8/2003 đến tháng 9/2009, từ tháng 10/2009 trưởng phòng xuất khẩu công ty đến nay.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,212% vốn điều lệ

3. Ông Tạ Ngọc Vương - Thành viên ban kiểm soát

- Sinh ngày 11/02/1973 Quê quán; Ứng Hòa - Hà Nội

- Trình độ chuyên môn; Cử nhân kinh tế

-Trình độ lý luận chính trị; sơ cấp

- Thời gian tham gia ban kiểm soát từ tháng 04 năm 2014 đến nay

- Công tác tại phân xưởng chế biến - Quản đốc PXCB

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,22% vốn điều lệ

- Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (List the changes in the Board of Management in the year).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.

+ Số lượng cán bộ, nhân viên, người lao động đến thời điểm 31/12/2022: 313 người, tất cả số người trong danh sách trên đều tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN theo luật lao động.

+ Chính sách với người lao động: Công ty luôn đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Tiền lương bình quân của người lao động năm 2022 đạt 11,815 triệu đồng/ người/ tháng tăng so với năm 2021

+ Các nội dung liên quan đến người lao động, Công ty thực hiện nghiêm túc theo quy định của luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc

đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)

Công ty CP thông Quảng Phú: Nhìn chung Công ty cổ phần Thông Quảng Phú hoạt động sản xuất, kinh doanh tốt, cổ tức được nhận phân phối cho Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh năm 2022 là; 6.132.780.000 đồng.

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 31/12/2021	Năm/ Year 31/12/2022	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	546.149.730.203	581.524.087.827	
Doanh thu thuần/Net revenue	1.558.051.345.435	1.433.780.015.544	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	122.197.851.904	58.561.156.068	
Lợi nhuận khác/Other profits	(7.089.698.536)	548.593.248	
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	115.108.153.368	59.109.749.352	
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	90.196.154.304	48.430.636.519	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset value			
Doanh thu/Revenus			
Thuế và các khoản phải nộp/Taxes and payables			
Lợi nhuận trước thuế/Before tax profit			
Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 31/12/2021	Năm/ Year 31/12/2022	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,476	1,501	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset - Inventories Short term Debt	0.82	0,610	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,617	0,609	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	1.608	1,555	

3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)</i>	6,861	4,65	
+ Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Net revenue/ Average Total Assets)</i>	20,654	2,47	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,058	0,034	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,431	0,213	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,165	0,083	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)	0,078	0,041	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year X-1	Năm/ Year X	Ghi chú/Note
1. <i>Quy mô vốn/Capital size</i>			
- <i>Vốn điều lệ/ Charter Capital</i>			
<i>Tổng tài sản có/ Total assets</i>			
<i>Tỷ lệ an toàn vốn/ Capital adequacy ratio</i>			
2. <i>Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
<i>Doanh số huy động tiền gửi/ Cash deposits</i>			
<i>Doanh số cho vay/ Lendings</i>			
<i>Doanh số thu nợ/ Debt collection</i>			
<i>Nợ quá hạn/ Overdue debts</i>			
<i>Nợ khó đòi/ Bad debt</i>			
<i>Hệ số sử dụng vốn/ Incremental Capital Output Ratio</i>			
<i>Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/ Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>			
<i>Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/ Overdue debts/ Total debt Ratio</i>			
<i>Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/ Bad debt/ Total debt Ratio</i>			
3. <i>Khả năng thanh khoản/ Solvency</i>			
<i>Khả năng thanh toán ngay/ Short term solvency</i>			
<i>Khả năng thanh toán chung/ General solvency</i>			

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) *Cổ phần/ Shares:* Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information

concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là: **3.599.980 cổ phần**
trong đó:

+ Số cổ phần được chuyển nhượng tự do là: **2.074.519 cổ phần**

+ Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng gồm hội đồng quản trị và ban kiểm soát là: **1.525.461 cổ phần**

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nếu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Nếu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.

e) Các chứng khoán khác/Other securities: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nếu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

- Công tác môi trường của Công ty luôn được đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Measures and initiatives to reduce GHG emission.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

- Nhựa thông đưa vào chế biến trong năm là: **34.535 tấn**

- Sản phẩm thu hồi đóng gói: Tùng hương; **28.641 tấn**; dầu thông; **5.894 tấn**.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

- Tỷ lệ thu hồi sản phẩm tùng hương và dầu thông là 88%/ 1 tấn nhựa thông qua chế biến trong đó; tùng hương thu hồi 72%, dầu thông 16%

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly.

- Tiêu thụ than don: **2.738.396 tấn**.

- Tiêu thụ củi: **3.405.723 tấn**.

- Tiêu thụ điện năng là: **1.331.596kv.** trong đó dùng cho sản xuất; **1.219.418 kw.**, dùng cho công tác quản lý; **112.178 kw.**

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/Energy savings through initiatives of efficiently using energy.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.

- Tiêu thụ nước do Nhà nước cung cấp trong năm là: **108.385 M3** trong đó, dùng cho sản xuất; **104.581 M3**, dùng cho quản lý, **3.804 M3**

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused.

- Công ty đang nghiên cứu và thử nghiệm để tái sử dụng.

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*
b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*
- Số lao động đến 31/12/2022; 313 người tiền lương bình quân tháng 11,815 triệu đồng/ người/ tháng
b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*
+ Công ty trang bị BHLĐ trang thiết bị cần thiết cho người lao động theo quy định, khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động, đồng thời hỗ trợ kinh phí cho người lao động, tham quan du lịch, thăm hỏi ốm đau và thăm viếng người thân qua đời...

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*
+ Hàng năm công ty bồi dưỡng, học tập nâng cao tay nghề cho người công nhân lao động để nâng cao tay nghề, như thi nâng cấp bậc lương cho các ngành nghề theo yêu cầu của doanh nghiệp.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Công ty hỗ trợ kinh phí khuyến khích người lao động tham gia học tập chuyên môn, kỹ thuật thông qua các trường đào tạo, từ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học cho các đối tượng có nhu cầu.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

+ Hàng năm công ty hỗ trợ cho các đối tượng người nghèo, Mẹ VNAH, trẻ mồ côi, trẻ tàn tật, vùng khó khăn, thiên tai trong và ngoài tỉnh

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

+ Mặc dù trong năm qua việc sản xuất và kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, song sự đoàn kết nội bộ, bám sát thị trường, dự báo kịp thời những biến động của thị trường nguyên liệu nhựa trong nước cũng như nhập khẩu giúp công ty duy trì cơ bản SXKD năm 2022. Tuy nhiên, năm 2022 hiệu quả SXKD giảm so với năm 2021.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

+ Tài nguyên rừng được giữ vững và có bước phát triển.

2. *Tình hình tài chính/Financial Situation*

a) *Tình hình tài sản/Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

+ Tình hình tài sản sử dụng vốn năm 2022 trong bối cảnh kinh tế năm luôn biến động khó lường, Công ty đã điều hành tốt mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts.*

+ Các khoản thanh toán nợ đến hạn Công ty luôn đảm bảo đáo hạn không có nợ quá hạn đối với khách hàng...

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, and management.*

+ Tiếp tục sắp xếp, cơ cấu lại lao động hợp lý, cải tiến quy trình sản xuất để sản phẩm đạt chất lượng tốt hơn, tỷ lệ thành phẩm thu hồi cao hơn, quản lý chặt chẽ chất lượng nhựa thông nhập kho, nâng cao năng suất lao động nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả trong kinh doanh.

+ Chính sách tiền lương tiếp tục có sự thay đổi khi thực hiện cơ chế khoán tiền lương cho các phòng ban, bộ phận gắn liền với kết quả đạt được trong năm. Chính cơ chế khoán là động lực thúc đẩy tinh thần và thái độ làm việc của người lao động được tốt hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plans in future*

+ Công ty tiếp tục nâng cao sản lượng thu mua, khai thác và nhập khẩu nhựa thông để đảm bảo đủ nguyên liệu nhựa thông chế biến cho các dây chuyền đạt công suất thiết bị. Đồng thời đảm bảo dự trữ nguyên, nhiên vật liệu tồn kho hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/*Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/*Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company: Thực hiện đúng theo QĐ của pháp luật*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

+ Công tác, tác động môi trường về tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải cơ bản chấp hành tốt theo quy định của pháp luật hiện hành

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

+ Công ty luôn đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, quan tâm sức khỏe và phúc lợi đến người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

+ Công tác xã hội Công ty luôn quan tâm thực hiện kịp thời những hoàn cảnh khó khăn của người nghèo trên địa bàn, hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị khó khăn trong và ngoài tỉnh thường xuyên cũng như đột xuất...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

+ Trong quá trình hoạt động luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tuân thủ mọi hoạt động theo điều lệ công ty, phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ, chủ động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước cổ đông và người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

+ Năng động, sáng tạo, luôn tìm hướng đi thích hợp trong điều hành các hoạt động chung của Công ty, phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ, chăm lo đến quyền và lợi ích của người lao động và các cổ đông.

+ Năm 2022, trong bối cảnh nhiều khó khăn tác động hoàn, HĐQT đã thành tốt nhiệm vụ trong điều hành sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

+ Kế hoạch, định hướng của HĐQT sẽ trình bày và thông qua tại đại hội đồng cổ đông năm 2023

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng

thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

+Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị:

- ĐHCĐ thường niên năm 2022 (nhiệm kỳ năm 2021- 2025) của Công ty có 5 thành viên như sau:

1. Ông: Dương Văn Thơm - Chủ tịch HĐQT

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết; 21,98% vốn điều lệ của công ty

- Chức danh nắm giữ ở Công ty khác - chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc công ty cổ phần Thông Quảng Phú (Quảng Trị)

2. Ông: Trần Việt Hùng- thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết; 14,23% vốn điều lệ của công ty

3. Ông: Dương Trọng Hiếu – Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

-Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,906% vốn điều lệ.

4. Bà: Nguyễn Thị Châm- Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng công ty.

-Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 0 % vốn điều lệ.

5. Bà: Đặng Thu Hương- Thành viên HĐQT.

-Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 0% vốn điều lệ.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the committees of the Board of Directors: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	Họp HĐQT	30/3/2022	- Công tác chuẩn bị và thủ tục để phục vụ cho đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Thông qua nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022
2	Họp HĐQT	02/4/2021	Về việc triệu tập đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
3	NQ HĐQT số 01/2022/NQ – ĐHCĐ	23/4/2022	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã được thông qua cụ thể: 1. Thông qua báo cáo kết quả HĐ SXKD năm 2021 và phương hướng, mục tiêu năm 2022 2. Thông qua việc trích lập các quỹ sau thuế TNDN và xử lý một số khoản chi phí tài chính, cổ tức được chia từ hoạt động SXKD năm 2021. 3. Giao cho HĐQT, BGĐ xúc tiến đầu tư hạ tầng phù hợp trên diện tích đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo chất lượng, tiết kiệm đáp ứng việc xây dựng lắp đặt dây chuyền sản xuất các sản phẩm sau chế biến nhựa thông. 4. Giao cho HĐQT, BGĐ trong năm 2022 hoàn thiện việc đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt yêu cầu theo quy định và đảm bảo tính ổn định. 5. Trong năm 2022 giao cho HĐQT, BGĐ quan tâm thực hiện các nội dung sau: - Chăm sóc, tu bổ toàn diện rừng thông cấp tuổi 4, rừng thông non khác trên đất rừng của Công ty, hỗ trợ kinh phí phù hợp cho các hộ dân để chăm sóc tu bổ rừng thông nhựa đã trồng trong những năm gần đây. - Nếu SXKD có điều kiện cần chú trọng tăng nguồn quỹ tương thân, tương ái, hỗ trợ cộng đồng, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp. - Trong năm 2022, hoàn thiện thủ tục pháp lý để trả lại địa phương số diện tích đất rừng đã được Tinh giao, nay không còn phù hợp với kế hoạch SXKD rừng lâu dài trên địa bàn thành phố Uông Bí. 6. Giao cho HĐQT, BGĐ trong năm 2022 lựa chọn:

			<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển nhượng dự án khu dịch vụ thương mại tại Tổ 1 – Khu 1 – Phường Yên Thanh – Thành phố Uông Bí trên nguyên tắc tối thiểu, bảo toàn vốn đã đầu tư. - Lựa chọn đối tác để hợp tác đầu tư kinh doanh song không góp vốn bổ sung
5	Hợp HĐQT: 02/NQ-ĐHĐCĐ	12/11/2022	<p>Thông qua, phê chuẩn một số nội dung, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tạm dừng việc ký hợp đồng nhập khẩu nhựa mới đến kết thúc năm 2022. Trường hợp đặc biệt, căn cứ điều kiện thực tiễn CT.HĐQT sẽ xem xét, quyết định. 2. Định hướng chiến lược đầu tư, phát triển rừng thông trên diện tích đất rừng công ty và Hỗ trợ, phát triển rừng các diện tích đất rừng khác trên địa bàn thành phố Uông Bí năm 2023 và những năm tiếp theo. 3. Khuyến khích có cơ chế thưởng thúc đẩy bán hàng đối với bộ phận xuất nhập khẩu góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của công ty. 4. Dự thảo hợp đồng Hợp tác đầu tư khu Thương Mại- Dịch Vụ tại khu 1, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.
6	HĐQT hợp với BGD		Hợp hàng tháng hoặc đột xuất.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

- Nhờ được cung cấp đầy đủ thông tin và kịp thời tham gia đầy đủ các cuộc họp cũng như trao đổi thông tin thường xuyên, thành viên HĐQT độc lập có những đóng góp khách quan trong việc ra các quyết định quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh ngắn hạn và chiến lược phát triển dài hạn của công ty.

- Nội dung đưa ra bàn bạc, thảo luận trong các cuộc họp HĐQT đều được sự đồng thuận tuyệt đối trong các thành viên HĐQT.

- Các cuộc họp HĐQT tham gia họp cùng ban giám đốc, trưởng các phòng, ban, bộ phận, nhằm bàn bạc, tháo gỡ những khó khăn trong SXKD. Các giải pháp khắc phục, phương hướng thực hiện các nhiệm vụ hàng kỳ, được tổ chức hàng tháng hoặc đột xuất, diễn ra với tinh thần thẳng thắn, xây dựng. Chính vì vậy HĐQT và ban giám đốc luôn phát huy được tính sáng tạo, ý chí tập thể trong việc đưa ra các giải pháp kinh doanh hợp lý.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/ *the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Board of Supervisors/ Audit Committee*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

1. Ông; Trần Văn Sơn - Trưởng ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,62% vốn điều lệ

2. Ông Nguyễn Mạnh Khiêm – Thành viên ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,212% vốn điều lệ

3. Ông Tạ Ngọc Vượng - Thành viên ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,22% vốn điều lệ

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results*).

- Hoạt động của ban kiểm soát:

+ Năm 2022 ban kiểm soát đã hoạt động đảm bảo đúng quy chế và chức năng, nhiệm vụ quy định tại điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

+ Từng thời gian trong năm ban kiểm soát đều thực hiện công tác kiểm tra, giám sát độ chính xác của các hoạt động phát sinh trong công ty. Giám sát việc HĐQT và ban giám đốc tuân thủ thực hiện theo điều lệ công ty quy định và pháp luật hiện hành.

+ Số lượng, nội dung. Kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát năm 2022

STT	Số NQ/QĐ	Nội dung
1	Họp BKS	- Giám sát thực hiện chế biến nhựa thông theo quy định của công ty
2	Họp BKS	- Thông qua nội dung báo cáo của ban kiểm soát trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
3	Họp sản xuất do BGD triệu tập	- Thường xuyên và đột xuất

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).

STT	Họ Tên	Chức danh	Tổng lương và phụ cấp năm 2022 (đồng)
1	Ông Dương Văn Thơm	CTHĐQT	660.192.270
2	Ông; Dương Trọng Hiếu	TV HĐQT - TGD	1.329.565.980
3	Ông; Trần Việt Hùng	TV HĐQT - Phó TGD	558.371.549
4	Bà: Nguyễn Thị Châm	TV HĐQT – Kế toán trưởng	412.691.356
5	Bà: Đặng Thu Hương	TV HĐQT	84.265.825
4	Ông; Trần Văn Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	66.679.800
5	Ông Nguyễn Mạnh Khiêm	TV BKS	610.010.297
6	Ông Tạ Ngọc Vượng	TV BKS	366.787.313

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/Assessing the Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance).

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh yếu tố tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thông Quảng Ninh tại ngày 31/12/2022, cũng như kết hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).*

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính, kế toán và kiểm toán (AASC) thực hiện hoàn tất công tác kiểm toán năm 2022 vào ngày 07 tháng 03 năm 2023

Nơi nhận:

Recipients:

- UBCKNN, SGDCNN (B/c)
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)



CHỦ TỊCH
Dương Văn Thơm